



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-250 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample
 - Loại mẫu/ Sample type
 - Tên khách hàng/ Name of customer
 - Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
 - Mô tả mẫu/ Description
 - Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
 - Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
 - Thời gian thử nghiệm/ Testing time
 - Kết quả thử nghiệm/ Test results
- : Mẫu đầu nguồn tại xí nghiệp nước Ân Thi
: Nước sạch
: Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
: Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
: 08/07/2025
: Phạm Thanh Hiền
: 08/07/2025 – 16/07/2025
:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result W2507-250	QCVN 01- 1:2024/BYT Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,46	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,5	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,82	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-251 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu giữa nguồn tại Hộ gia đình: Ông Lê Xuân Mãi. đ/c: phố Nguyễn Trung Ngạn, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-251	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,22	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,36	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025
GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-252 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample: Cuối nguồn tại Hộ gia đình Lê Xuân Đình. đ/c: phố Bùi Thị Cúc, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-252	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,35	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,33	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,65	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-253 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn tại nhà máy nước sạch TP Hưng Yên
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-253	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,76	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,04	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,65	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ts. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-254 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu giữa nguồn tại số 52E Trung Nhị, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-254	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,74	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,39	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-255 (25.1099)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu cuối nguồn tại Trạm cấp nước Vương, xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2025
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Phạm Thanh Hiền
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/07/2025 – 16/07/2025
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-255	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,76	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,44	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-256 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn tại nhà máy nước sạch Phùng Hưng
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-256	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,43	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,09	2
9	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-257 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample: Giữa nguồn tại nhà mẫu giáo thôn Kim Quan
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-257	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,47	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	4,58	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2507-258 (25.1099)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn tại Khu Công Nghiệp số 5, xã Xuân Trú, tỉnh Hưng Yên
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Phạm Thanh Hiền
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/07/2025 – 16/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2507-258	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,79	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,46	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,51	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,98	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.